

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

đã được soát xét

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả Công tác soát xét Báo cáo tài chính	04-05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-23
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thục	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Thòa	Ủy viên
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thục	Giám đốc
Ông Hoàng Văn Thòa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Lợi	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2013

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần In Diên Hồng lập tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

1. Báo cáo tài chính của đơn vị được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên tại thời điểm soát xét chúng tôi nhận thấy do việc di dời cơ sở sản xuất, phần lớn cán bộ nhân viên đã nghỉ việc và hưởng trợ cấp thôi việc (số cán bộ nhân viên trong danh sách lao động của Công ty đến thời điểm kiểm toán là 9 người).

Công ty đã tạm ngừng sản xuất từ tháng 4 năm 2013, doanh thu 6 tháng đầu năm 2013 là 234.761.580 đồng bằng 3,68% doanh thu 6 tháng đầu năm 2012 và bằng 2,45% doanh thu 6 tháng đầu năm 2011. Hiện tại chưa có kế hoạch tuyển dụng lao động mới thay thế cho các cán bộ nhân viên thôi việc. Từ những lý do trên, chúng tôi nhận thấy việc trình bày báo cáo trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là chưa phù hợp.

2. Từ tháng 10 năm 2012, Công ty đã hoàn tất việc di dời cơ sở sản xuất từ địa chỉ 187B Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội tới cơ sở sản xuất mới tại Khu Công nghiệp Quốc Oai, Hà Nội (do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đầu tư xây dựng) để bàn giao cơ sở sản xuất cũ cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty tại địa chỉ 187B Giảng Võ đã bàn giao cho đơn vị khác quản lý và sử dụng tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, Công ty Cổ phần In Diên Hồng và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chưa ký kết các văn bản liên quan đến thỏa thuận di dời, hỗ trợ di dời, bàn giao tài sản giữa hai bên do đó Công ty chưa ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến các nghĩa vụ khi sử dụng tài sản là nhà cửa vật kiến trúc tại cơ sở sản xuất kinh doanh mới cũng như những thay đổi về quyền sở hữu tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc tại cơ sở sản xuất kinh doanh cũ và các lợi ích liên quan đến quyền sở hữu những tài sản này. Nguyên giá tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc của Công ty tại địa chỉ 187B Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội trên sổ kế toán tại 30/06/2013 là 2.877.629.520 đồng, giá trị còn lại là 82.291.676 đồng.

Tại thời điểm soát xét chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu thể hiện sự đồng thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến quá trình di dời cơ sở sản xuất nêu trên.

3. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình Quý II năm 2013 vào kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ dẫn đến việc làm tăng kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng số tiền 652.210.103 đồng.

4. Tại thời điểm 30/06/2013, trên số dư khoản mục đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang trình bày khoản đầu tư mua sắm dây chuyền liên hoàn bắt tay sách, keo nhiệt xén 3 mặt với tổng giá trị là 3.420.000.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2013, Dây chuyền đã hoàn thiện lắp đặt chạy thử và đủ điều kiện đưa vào sản xuất, tuy nhiên do Công ty tạm dừng hoạt động từ tháng 4 và chưa có phương án tiếp tục sản xuất nên Công ty chưa ghi nhận tăng tài sản cố định và trích chi phí khấu hao của dây chuyền này vào kết quả kinh doanh, làm tăng lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền 114.000.000 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.138.697.911	20.743.013.078
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.626.937.909	2.584.735.613
111	1. Tiền		126.937.909	584.735.613
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.618.589.746	15.623.671.630
131	1. Phải thu của khách hàng		374.728.728	916.989.876
132	2. Trả trước cho người bán		280.000.030	280.000.030
135	5. Các khoản phải thu khác	4	15.251.335.653	14.714.156.389
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(287.474.665)	(287.474.665)
140	IV. Hàng tồn kho	5	2.217.849.587	2.188.454.949
141	1. Hàng tồn kho		2.217.849.587	2.188.454.949
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		675.320.669	346.150.886
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		658.091.587	309.576.366
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	972.239
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	17.229.082	35.602.281
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.511.842.376	14.758.442.161
220	II. Tài sản cố định		17.511.842.376	14.758.442.161
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	14.091.842.376	14.758.442.161
222	- Nguyên giá		33.208.738.820	33.208.738.820
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.116.896.444)	(18.450.296.659)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.420.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		38.650.540.287	35.501.455.239

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		19.419.779.889	14.727.931.652
310	I. Nợ ngắn hạn		19.419.779.889	14.727.931.652
312	2. Phải trả người bán		3.806.000.000	111.062.128
313	3. Người mua trả tiền trước		50.001	-
315	5. Phải trả người lao động		37.210.445	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	8	15.486.112.875	14.425.412.956
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		90.406.568	191.456.568
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.230.760.398	20.773.523.587
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	19.230.760.398	20.773.523.587
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.280.420.000	26.280.420.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.454.245.544	1.454.245.544
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		32.805.890	32.805.890
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.536.711.036)	(6.993.947.847)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		38.650.540.287	35.501.455.239

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.166.158	3.166.158

Đinh Ngọc Thục
Giám đốc

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		234.761.580	6.384.335.643
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	234.761.580	6.384.335.643
11	4. Giá vốn hàng bán	11	1.206.882.037	6.572.735.180
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(972.120.457)	(188.399.537)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	12	99.271.266	119.541.654
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		23.915.956	156.157.450
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		496.973.170	846.955.733
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.393.738.317)	(1.071.971.066)
31	11. Thu nhập khác		69.142.436	925.890.265
32	12. Chi phí khác		218.167.308	123.906.489
40	13. Lợi nhuận khác		(149.024.872)	801.983.776
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.542.763.189)	(269.987.290)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.542.763.189)	(269.987.290)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14	(587)	(103)

Đinh Ngọc Thục
Giám đốc

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2013	năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		820.713.681	6.263.329.136
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(341.293.631)	(3.498.990.008)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(322.836.396)	(2.228.779.534)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.200.000	39.919.151
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(160.352.624)	(629.794.867)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		431.030	(54.316.122)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	136.409.090
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.771.266	119.541.654
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.771.266	255.950.744
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		42.202.296	201.634.622
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		2.584.735.613	2.489.748.763
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	2.626.937.909	2.691.383.385

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.280.420.000 đồng; tương đương 2.628.042 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101493697 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 03/11/2011 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.11. Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.12. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	30.042.344	60.374.184
Tiền gửi ngân hàng	96.895.565	524.361.429
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	2.000.000.000
	<u>2.626.937.909</u>	<u>2.584.735.613</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về người lao động	-	9.800.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội	323.546	37.268.987
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	1.473.658
Nhà XBGDVN-Tiền đền bù GPMB tại Hà Tây chưa quyết toán	848.605.300	848.605.300
Nhà XBGDVN tại Hà Nội - Giấy in cho vay	-	143.875.231
Nhà XBGDVN chi phí di dời chưa quyết toán	14.302.310.566	13.335.623.475
Phải thu khác	100.096.241	337.509.738
	<u>15.251.335.653</u>	<u>14.714.156.389</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.155.007.580	2.110.417.555
Công cụ, dụng cụ	7.074.226	7.125.162
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	15.144.451
Thành phẩm	54.664.344	54.664.344
Hàng gửi đi bán	1.103.437	1.103.437
	<u>2.217.849.587</u>	<u>2.188.454.949</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	17.229.082	35.602.281
	<u>17.229.082</u>	<u>35.602.281</u>

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

8 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.089.127	17.946.327
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	30.000.000
Nhà XBGDVN-Nhận tiền đền bù đất chi hộ NXBGDVN	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhà XBGDVN-Tiền hỗ trợ di dời chưa quyết toán	14.482.023.748	12.903.656.748
Tiền thuê đất 2012 phải trả cho NXBGDVN tại Hà Nội	-	400.000.000
Phải trả, phải nộp khác	3.000.000	73.809.881
	<u>15.486.112.875</u>	<u>14.425.412.956</u>

9 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.280.420.000	26.280.420.000
- Vốn góp đầu kỳ	26.280.420.000	26.280.420.000
- Vốn góp cuối kỳ	26.280.420.000	26.280.420.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.628.042	2.628.042
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.628.042	2.628.042
- Cổ phiếu phổ thông	2.628.042	2.628.042
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.628.042	2.628.042
- Cổ phiếu phổ thông	2.628.042	2.628.042
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.454.245.544	1.454.245.544
Quỹ dự phòng tài chính	32.805.890	32.805.890
	1.487.051.434	1.487.051.434

10 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	234.761.580	6.384.335.643
	234.761.580	6.384.335.643

11 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.206.882.037	6.572.735.180
	1.206.882.037	6.572.735.180

12 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	99.271.266	119.541.654
	99.271.266	119.541.654

13 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.542.763.189)	(269.987.290)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(1.542.763.189)	(269.987.290)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

14 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(1.542.763.189)	(269.987.290)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.542.763.189)	(269.987.290)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.628.042	2.628.042
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(587)	(103)

15 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	300.286.143
Chi phí nhân công	440.129.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	666.599.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.118.994
Chi phí khác bằng tiền	219.636.727
	1.727.771.163

16 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	2.626.937.909	-	2.584.735.613	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.626.064.381	(287.474.665)	15.631.146.265	(287.474.665)
	18.253.002.290	(287.474.665)	18.215.881.878	(287.474.665)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	19.292.112.875	14.536.475.084
	19.292.112.875	14.536.475.084

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.626.937.909	-	-	2.626.937.909
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.338.589.716	-	-	15.338.589.716
	17.965.527.625	-	-	17.965.527.625

Tại 01/01/2013

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.584.735.613	-	-	2.584.735.613
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.343.671.600	-	-	15.343.671.600
	17.928.407.213	-	-	17.928.407.213

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.292.112.875	-	-	19.292.112.875
	19.292.112.875	-	-	19.292.112.875
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	14.536.475.084	-	-	14.536.475.084
	14.536.475.084	-	-	14.536.475.084

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

17 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

18 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn theo đơn đặt hàng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

19 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	181.809.550	80.344.499
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	5.168.139.412
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng tập đoàn	-	323.949.161
- Công ty CP SGK tại TP Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	6.000.000
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Cùng tập đoàn	-	101.743.562
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng tập đoàn	-	112.739.885
- Công ty CP Đầu tư và PT Giáo dục HN	Cùng tập đoàn	52.952.030	666.363.004
- Công ty CP Mỹ thuật và truyền thông	Cùng tập đoàn	-	8.000.000
- Công ty CP Đầu tư và PT Công nghệ Văn Lang	Cùng tập đoàn	-	6.000.000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	54.400.000
- Công ty CP sách và TBGD Miền Bắc	Cùng tập đoàn	-	64.087.110

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Cùng tập đoàn	-	20.000.000
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng tập đoàn	-	174.701.858
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	-	100.499.905
- Công ty CP Đầu tư và PT Giáo dục HN		65.860.936	-
Phải thu lãi cho vay, lãi chậm trả			
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	57.500.000	-
Phải thu khác			
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	17.150.915.866	14.184.228.775
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	143.875.231
Phải trả tiền hàng			
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	4.770.600
Phải trả khác			
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	15.482.023.748	13.903.656.748
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	400.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	-	71.857.261

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC). Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Đinh Ngọc Thực

Giám đốc

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2013

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.877.629.520	28.678.364.080	1.465.257.729	187.487.491	33.208.738.820
Số dư cuối kỳ	2.877.629.520	28.678.364.080	1.465.257.729	187.487.491	33.208.738.820
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.777.987.971	14.511.743.786	973.077.411	187.487.491	18.450.296.659
Trích khấu hao	17.349.873	619.087.224	30.162.688	-	666.599.785
Số dư cuối kỳ	2.795.337.844	15.130.831.010	1.003.240.099	187.487.491	19.116.896.444
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	99.641.549	14.166.620.294	492.180.318	-	14.758.442.161
Tại ngày cuối kỳ	82.291.676	13.547.533.070	462.017.630	-	14.091.842.376

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.212.261.614 đồng

9 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
TỪ 01/01/2012 ĐẾN 30/06/2012					
Số dư đầu năm trước	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(4.040.167.484)	23.727.303.950
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	(269.987.290)	(269.987.290)
Giảm khác	-	-	-	(208.145.254)	(208.145.254)
Số dư cuối kỳ trước	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(4.518.300.028)	23.249.171.406
TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/06/2013					
Số dư đầu năm nay	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(6.993.947.847)	20.773.523.587
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.542.763.189)	(1.542.763.189)
Số dư cuối kỳ này	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(8.536.711.036)	19.230.760.398

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam	20.999.720.000	79,91%	20.831.720.000	79,27%
Vốn góp của đối tượng khác	5.280.700.000	20,09%	5.448.700.000	20,73%
	26.280.420.000	100%	26.280.420.000	100%